**Tiếng Việt**

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU:TỪ ĐỒNG NGHĨA**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Giúp học sinh nhớ lại bài học về từ ngữ có nghĩa giống nhau và nêu được một số từ ngữ có nghĩa giống nhau đã học ở các lớp dưới.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu danh từ, động từ, tính từ, ứng dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:** |
| - GV cho HS đọc đoạn thơ và tìm các từ có nghĩa giống nhauCò mải mê nhặt ốc Chui giữa lách với lau Đôi cánh cò trắng phauBị lấm đầy bùn đất.Nhưng có biết ở sạchVội vã bước ra sôngCò tắm gội sạch bongLại tung bay trắng toát. (Võ Quảng)- GV nhận xét.- GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS trả lời:+ trắng phau – trắng toát+ Sạch – sạch bong**-** HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập.** |
| Bài 1: **Đọc 2 đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.**Đàn kiến tiếp tục công việc của chúng: **khuân** đất, nhặt lá khô, **tha** mồi. Kiến bé tí tẹo nhưng rất khoẻ và hăng say. Kiến **vác**, kiến lôi, kiến đẩy, kiến **nhấc** bổng lên được một vật nặng khổng lồ. Kiến chạy tíu tít, gặp nhau đụng đầu chào, rồi lại vội vàng, tíu tít... (Theo Nguyễn Kiên)Một chú ve kéo đàn. Tiếng đàn ngàn lên phá tan bầu không khí tĩnh lặng của buổi **ban mai**. Rồi chú thứ hai, thứ ba, thứ tư cùng hoà vào khúc tấu. Từ **sáng sớm**, khi mặt trời mới ló rạng, tiếng ve đã át tiếng chim. (Theo Hữu Vi)a. Những từ in đậm trong đoạn văn nào có nghĩa giống nhau.b. Những từ in đậm trong đoạn văn nào có nghĩa gần giống nhau? Nêu nét nghĩa khác nhau giữa chúng.- GV mời 1 HS đọc yêu cầu và nội dung:- GV mời cả lớp làm việc nhóm 2- GV mời các nhóm trình bày.- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.- GV nhận xét kết luận và tuyên dương.Bài 2. **Tìm trong mỗi nhóm từ dưới dãy những từ có nghĩa giống nhau.**- GV cho HS đọc yêu cầu và làm bàia. chăm chỉ, cần cù, sắt đá, siêng năng, chịu khób. non sông, đất nước, núi non, giang sơn, quốc giac. yên bình, tĩnh lặng, thanh bình, bình tĩnh, yên tĩnh- GV nhận xét, hỏi HS thế nào là từ đồng nghĩa?- GV nhận xét, rút ghi nhớ***+ Từ đồng nghĩa là những từ có nghĩa giống nhau (ví dụ: bố, ba, cha,...) hoặc gần giống nhau (ví dụ: ăn, xơi, chén,...).******+ Khi viết hoặc nói, cần lựa chọn từ phù hợp nhất với ý nghĩa được thể hiện.***Bài 3. **Những thành ngữ nào dưới đây chứa các từ đồng nghĩa? Đó là những từ nào?**- GV cho HS đọc yêu cầu và làm bài.- Cho HS trình bày.a. Chân yếu tay mềm  b. Thức khuya dậy sớmc. Đầu voi đuôi chuộtd. Một nắng hai sươnge. Ngăn sông cấm chợg. Thay hình đổi dạng- GV nhận xét, chốt đáp án.Bài 4: **Chọn từ thích hợp trong mỗi nhóm từ đồng nghĩa để hoàn thiện đoạn văn.**- GV cho HS đọc yêu cầu và làm bài vào vở theo nhóm 4.- Cho HS trình bày.Tháng Ba, tháng Tư, Tây Trường Sơn (1) (khai mạc/ bắt đầu) mùa mưa. Mưa tới đâu, cỏ lá (2) (tốt tươi/ tươi tắn) tới đó. Phía trước bầy voi luôn luôn là những vùng đất (3) (no nê/ no đủ), nơi chúng có thể sống những ngày sung sướng bù lại thời gian (4) (đói khát/ đói rách) của mùa thu. Vì thế, bầy voi cứ theo sau những cơn mưa mà đi. Đó là luật lệ của rừng. (Theo Vũ Hùng)- GV nhận xét. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.- Cả lớp làm việc nhóm 2, xác định nội dung yêu cầu.a. Những từ in đậm trong đoạn văn thứ hai có nghĩa giống nhau.b. Những từ in đậm trong đoạn văn thứ nhất có nghĩa gần giống nhau.Những từ in đậm trong đoạn văn thứ nhất đều có ý nghĩa liên quan đến việc di chuyển hoặc mang vật phẩm từ một vị trí này sang một vị trí khác. Nhưng vẫn có sự khác nhau:- Khuân: Động tác mang hoặc đặt vật nặng lên vai hoặc lưng để di chuyển.- Tha: Hành động kéo hoặc mang một vật phẩm nặng bằng cách sử dụng sức mạnh cơ bắp hoặc thiết bị hỗ trợ như dây thừng.- Vác: Hành động di chuyển hoặc mang vật phẩm từ một vị trí này sang một vị trí khác bằng cách nắm hoặc ôm nó.- Nhấc: Hành động tăng cao vị trí của một vật phẩm bằng cách sử dụng cơ bắp hoặc thiết bị hỗ trợ, thường được thực hiện từ một vị trí thấp lên vị trí cao hơn.- Các nhóm trình bày- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.- HS làm cá nhân- HS làm cá nhâna. chăm chỉ, cần cù, siêng năng, chịu khób. non sông, đất nước, giang sơn, quốc giac. yên bình, tĩnh lặng, thanh bình, yên tĩnh- Từ đồng nghĩa là những từ có nghĩa giống nhau (ví dụ: bố, ba, cha,...) hoặc gần giống nhau (ví dụ: ăn, xơi, chén,...),- HS đọc ghi nhớ nhiều lầnb. non sông, đất nước, núi non, giang sơn, quốc giac. yên bình, tĩnh lặng, thanh bình, bình tĩnh, yên tĩnh- Hs tự làm bài.- HS trình bày.e. Ngăn, cấmg. Hình, dạng- HS đọc lại ghi nhớ.- HS đọc và thảo luận làm bài.- Đại diện nhóm HS trình bày.Tháng Ba, tháng Tư, Tây Trường **Sơn bắt đầu** mùa mưa. Mưa tới đâu, cỏ lá **tốt tươi** tới đó. Phía trước bầy voi luôn luôn là những vùng đất **no nê**, nơi chúng có thể sống những ngày sung sướng bù lại thời gian **đói khát** của mùa thu. Vì thế, bầy voi cứ theo sau những cơn mưa mà đi. Đó là luật lệ của rừng. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.** |
| - GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”.+ GV chuẩn bị một số từ ngữ để lẫn lộn trong hộp (trắng xóa, mang, xinh đẹp, quả, hổ).+ Chia lớp thành 2 nhóm, của một số đại diện tham gia (nhất là những em còn yếu)+ Yêu cầu các nhóm cùng nhau tìm những từ đồng nghĩa với từ em bốc được (chỉ người, vật,….) Đội nào tìm được nhiều hơn sẽ thắng cuộc.- Nhận xét, tuyên dương. (có thể trao quà,..)- GV nhận xét tiết dạy.- Dặn dò bài về nhà. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.- Các nhóm tham gia trò chơi vận dụng.- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................